TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THỰC TẬP NĂM HỌC 2015 - 2016

Môn học: W303

STT	Mã nhóm	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa
1	303N350	K135520103342	Lê Văn	Thanh	22/05/95	K49KC.05	CK
2	303N350	K135520103091	Đặng Văn	Hùng	17/08/94	K49KC.02	CK
3	303N350	DTK0951010831	Nguyễn Văn	Linh	20/11/90	K46CCM.06	CK
4	303N350	DTK1151010208	Đặng Văn	Tú	9/12/1991	K47CĐT.01	CK
5	303N350	DTK1151010261	Nguyễn Sĩ	Tùng	30/09/91	K47CĐT.01	CK
6	303N350	K135520103159	Đàm Quang	Chung	3/8/1995	K49KC.03	CK
7	303N350	K135520103148	Nguyễn Việt	Anh	15/02/95	K49KC.03	CK
8	303N350	K135520103153	Đinh Văn	Cảnh	31/07/95	K49KC.03	CK
9	303N350	K135520103133	Nguyễn Minh	Tú	18/06/95	K49KC.02	CK
10	303N350	K125140214015	Lục Văn	Nhất	17/01/93	K49SK.01	SP
11	303N350	K135140214019	Triệu Thị	Đàn	7/3/1995	K49SK.01	SP
12	303N350	K135140214018	Bùi Thị Thu	Hiền	9/7/1995	K49SK.01	SP
13	303N350	K135140214007	Đoàn Văn	Hùng	1/7/1995	K49SK.01	SP
14	303N350	K135140214010	Ngọc Văn	Khuê	6/5/1995	K49SK.01	SP
15	303N350	K135520103162	Nguyễn Chí	Dũng	13/01/95	K49KC.03	CK
1	303N351	K135520114086	Nguyễn Quốc	Khánh	2/9/1995	K49CĐT.01	CK
2	303N351	K135520114098	Hà Mạnh	Quân	8/1/1995	K49CĐT.01	CK
3	303N351	K135520114091	Dương Thanh	Lực	18/11/95	K49CĐT.01	CK
4	303N351	K135520114091	Trần Thanh	Tùng	18/02/95	K49CĐT.01	CK
5	303N351	K135520103106	Nguyễn Minh	Khởi	25/10/95	K49KC.02	CK
6	303N351	K135520103092	Nguyễn Văn	Hiền	9/12/1995	K49KC.02	CK
7	303N351	K135520103098	Nguyễn Thế	Hòa	8/5/1995	K49KC.02	CK
8	303N351	K135520103128	Nguyễn Đình	Thi	16/10/94	K49KC.02	CK
9	303N351	K135520207057	Dương Thị	Diệp	19/06/95	K49ĐTT.02	DT
10	303N351	K135520207134	Nguyễn Thị	Trà	25/03/95	K49ĐTT.01	DT
11	303N351	DTK0851020486	Hoàng Văn	Hà	2/3/1987	K45TĐH.09	KD
12	303N351	K135520114081	Chu Quang	Hưng	12/3/1995	K49CĐT.01	CK
1	303T350	K125520103112	Lê Mạnh	Tuấn	6/4/1994	K48CCM.01	CK
2	303T350	K125520103234	Nguyễn Văn	Việt	16/11/94	K48CCM.02	CK
3	303T350	DTK1151010030	Trần Văn	Mạnh	5/10/1993	K47CCM.05	CK
4	303T350	DTK1051010716	Lê Văn	Tuấn	3/6/1991	K47CCM.05	CK
5	303T350	DTK1151010169	Phạm Văn	Bình	29/08/92	K47CCM.05	CK
6	303T350	K135520114086	Nguyễn Quốc	Khánh	2/9/1995	K49CĐT.01	CK
7	303T350	K135520114098	Hà Mạnh	Quân	8/1/1995	K49CĐT.01	CK
8	303T350	K135520114091	Dương Thanh	Lực	18/11/95	K49CĐT.01	CK
9	303T350	K135520103436	Hoàng Ngọc	Tiến	29/05/94	K49KC.06	CK
10	303T350	DTK1051010802	Nguyễn Văn	Trà	9/11/1992	K47CCM.01	CK
11	303T350	K135520114081	Chu Quang	Hưng	12/3/1995	K49CĐT.01	CK
12	303T350	K135520114118	Trần Thanh	Tùng	18/02/95	K49CĐT.01	CK
13	303T350	DTK0951020696	Lê Đức	Thắng	15/01/91	K46TĐH.01	KD
14	303T350	DTK0951030086	Lê Xuân	Dương	24/03/91	K47ĐVT.01	DT
15	303T350	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	28/01/94	K48ĐVT.01	DT
16	303T350	DTK0951010405	Nguyễn Quốc	Huy	30/08/91	K48CCM.01	CK
1	303T352	DTK1151010256	Trần Văn	Thành	23/05/93	K47CCM.02	CK

2	303T352	DTK1151010261	Nguyễn Sĩ	Tùng	30/09/91	K47CĐT.01	CK
3	303T352	DTK1151010173	Nguyễn Phương	Duy	19/02/93	K47CCM.01	CK
4	303T352	DTK1051010564	Phạm Đức	Báu	12/10/1992	K1 CN-KTO.01	
5	303T352	K135520103113	Nông Văn	Năng	15/01/95	K49KC.02	CK
6	303T352	LAOS115008	Done	Onnavong	10/11/1992	K49ĐTT.02	DT
7	303T352	DTK0851020486	Hoàng Văn	Hà	2/3/1987	K45TĐH.09	KD
8	303T352	DTK0851010456	Đinh Văn	Duyên	4/7/1990	K45CĐT.01	CK
9	303T352	DTK1151020274	Đàm Nhật	Tân	20/09/93	K48TĐH.02	KD
10	303T352	DTK1151020258	Nguyễn Trí	Kiên	19/08/93	K47KTĐ.01	KD
1	303H350	DTK1051010716	Lê Văn	Tuấn	3/6/1991	K47CCM.05	CK
2	303H350	DTK1151010169	Phạm Văn	Bình	29/08/92	K47CCM.05	CK
3	303H350	DTK1151010208	Đặng Văn	Tú	9/12/1991	K47CĐT.01	CK
4	303H350	DTK1151010261	Nguyễn Sĩ	Tùng	30/09/91	K47CĐT.01	CK
5	303H350	DTK1151020039	Lê Văn	Tâm	5/11/1993	K47TBĐ.01	KD
6	303H350	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993	K47TĐH.04	KD
7	303H350	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93	K47TĐH.04	KD
8	303H350	DTK0851020486	Hoàng Văn	Hà	2/3/1987	K45TĐH.09	KD
9	303H350	K135520201307	Đồng Phúc	Thế	7/9/1995	K49ĐĐT.05	KD
10	303H350	K125520216207	Đặng Huy	Tú	26/02/94	K49ĐKT.03	KD
11	303H350	K135140214056	Nguyễn Việt	Phương	30/01/95	K49SK.01	SP
12	303H350	K135140214115	Lê Văn	Sỹ	1/7/1995	K49SK.01	SP
13	303H350	K135520103305	Lê Nho	Đô	16/10/95	K49KC.05	CK
14	303H350	K135520201196	Tẩn Kim	Bình	19/06/95	K49ĐĐT.04	KD
1	303T352	DTK1151010256	Trần Văn	Thành	23/05/93	K47CCM.02	CK
2	303T352	DTK1151020053	Nguyễn Văn	Tuấn	7/11/1992	K47TĐH.01	KD
3	303T352	K135520103113	Nông Văn	Năng	15/01/95	K49KC.02	CK
4	303T352	K135520103066	Trịnh Xuân	Tuấn	17/08/95	K49KC.01	CK
5	303T352	K125520114037	Nguyễn Thành	Sơn	25/04/94	K49CĐT.01	CK
6	303T352	K135520114018	Nguyễn Ngọc	Hào	7/8/1994	K49CĐT.01	CK
7	303T352	K135520114034	Nguyễn Phú	Long	20/08/95	K49CĐT.01	CK
8	303T352	K135520103080	Dương Thái	Dũng	11/12/1995	K49KC.02	CK
9	303T352	DTK0851030116	Phạm Hải	Nam	6/8/1990	K46KMT.01	DT
10	303T352	DTK1151020296	Hoàng Năng	Dương	4/3/1993	K47TĐH.04	KD

Tổng số: 05 nhóm